

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2023

V/v: Không công nhận quan hệ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đào Thị Mộng T;

2/ Bà Nguyễn Thùy D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Q - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **352/2023/TLST-HNGĐ** ngày 09 tháng 8 năm **2023**, về việc “*Không công nhận quan hệ hôn nhân*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1974.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H – Sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Khu phố L, thị trấn M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

(Có mặt các đương sự).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khai: Bà và ông Nguyễn Minh H tổ chức cưới và chung sống với nhau từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn vì bà không nghĩ gì hậu quả sau này. Việc bà với ông H không đăng ký kết hôn là sai quy định pháp luật. Bà và ông Nguyễn Minh H chung sống với nhau là do tự nguyện không ai áp buộc. Sau khi cưới bà và ông H sống chung với gia đình chồng ở Hàm Hiệp cho đến nay. Bà và ông H chung sống hạnh phúc được 29 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến bà đưa đơn đến Tòa yêu cầu giải quyết. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng nào tôi không nhớ chỉ nhớ vào năm 2021 đến nay. Nay bà xác định tình cảm giữa bà và ông Nguyễn

Minh H không còn nữa và bà yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Minh H.

Tại bản khai của bị đơn ông Nguyễn Minh H khai: Ông và bà T chung sống với nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn do bận công việc không quan tâm đến. Ông và bà T sống với nhau được 29 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày bà T hay cằn nhằn ông nên ông bất mãn mới có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Khi bà T phát hiện thì chửi mắng ông nên ông cũng không còn tình cảm gì với bà T nữa. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà T có đơn đến Tòa yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa ông với bà T thì ông hoàn toàn thống nhất, không có ý kiến gì khác.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim L1 – Sinh năm 1993; Nguyễn Minh L2 – Sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản và nợ: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh H không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng. Bị đơn cư trú tại Khu phố Lâm Giáo, thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh H đều khai ông, bà cưới nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh H chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống ông, bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng ông, bà không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 29 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng ông, bà không hiểu ý nhau, không tôn trọng và không thông cảm cho nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Sau khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội 10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, bà T và ông H phải có nghĩa vụ đi đăng ký kết hôn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực. Tuy nhiên, bà T và ông H vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định. Nay do mâu thuẫn giữa bà T và ông H nên bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H. Xét thấy, yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSBNĐTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Bà và ông Nguyễn Minh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim L1 – Sinh năm 1993; Nguyễn Minh L2 – Sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 58, Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh H là vợ chồng.

2. *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0019692 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không nộp nữa.

Ông Nguyễn Minh H không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo :* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- **UBND T.T Ma Lâm;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị M